

MỘT SỐ BIỆN PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIẢNG DẠY HỌC PHẦN “VỆ SINH VÀ DINH DƯỠNG TRẺ EM” CHO SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON, TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

Khúc Thị Hiền

Trường Đại học Tây Bắc
Email: khuchientbu@gmail.com

Article History

Received: 09/3/2020

Accepted: 19/3/2020

Published: 30/4/2020

Keywords

hygiene, nutrition, preschool education, teaching quality.

ABSTRACT

In the trend of educational innovation in general and preschool education in particular, the renewal of objectives, content of training programs and methods of teaching modules is an inevitable trend. The article pointed out the advantages and disadvantages, proposing a number of measures to improve the teaching quality of “Hygiene and Nutrition for children” subject for students in preschool education, Tay Bac University in the direction of developing learners' competencies. The subject plays an important role in the training program for students of preschool education. To form career competencies for students, it is necessary to enhance professional ethics, promote self-study ability, renew module objectives and practical activities.

1. Mở đầu

Nghề giáo viên mầm non có những đặc trưng riêng, trong đó có “Quý trẻ, yêu nghề; kiên nhẫn, biết tự kiểm chế; có tinh thần trách nhiệm cao; có kiến thức, kỹ năng cần thiết; có khả năng sư phạm khéo léo” (Bộ GD-ĐT và Bộ Nội vụ, 2015). Lao động của nghề giáo viên mầm non là sự kết hợp một cách khoa học và rất linh hoạt của nhà giáo dục, bác sĩ, nghệ sĩ, nhà dinh dưỡng, nhà tâm lý... Chính vì vậy, trong quá trình đào tạo, sinh viên (SV) ngành Giáo dục mầm non (GDMN) phải học rất nhiều môn học khác nhau. Ngoài các môn đại cương (Chính trị, Văn học, Toán học, Mĩ học, Tin học, Ngoại ngữ...), SV còn phải học các môn năng khiếu (vẽ, đàn, hát, múa, tạo hình...) và các môn chuyên ngành (Tâm lý trẻ em, GDMN, Vệ sinh, dinh dưỡng, phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ và các môn phương pháp dạy học). Như vậy, sau một quá trình học tập để trở thành giáo viên, SV ngành GDMN không chỉ biết hát, múa, tạo hình, kể chuyện, đọc thơ mà còn được trang bị một khối lượng kiến thức phong phú về thể giới trẻ thơ cũng như vốn tri thức nhân loại.

Trong thời gian gần đây, Khoa Tiểu học - Mầm non, Trường Đại học Tây Bắc đã triển khai thực hiện nhiều đổi mới về mục tiêu, nội dung chương trình, phương pháp và hình thức dạy học để đào tạo những thế hệ giáo viên mầm non có chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, có lòng yêu trẻ, có tinh thần trách nhiệm trong công việc. Quá trình đổi mới đòi hỏi giảng viên (GV), người trực tiếp giảng dạy phải thay đổi nhận thức, thay đổi các biện pháp thực hiện để tổ chức dạy học nhằm phát triển năng lực người học. Tuy nhiên, mỗi học phần khi thực hiện đổi mới sẽ có những đặc trưng riêng.

Bài viết phân tích những thuận lợi và khó khăn trong quá trình giảng dạy học phần *Vệ sinh và dinh dưỡng trẻ em* (VS&DDTE), qua đó đề xuất một số biện pháp để nâng cao chất lượng giảng dạy học phần theo hướng phát triển năng lực của SV ngành GDMN, Khoa Tiểu học - Mầm non, Trường Đại học Tây Bắc.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Vai trò của học phần *Vệ sinh và dinh dưỡng trẻ em*

VS&DDTE là môn học thuộc khối kiến thức chuyên sâu của chương trình đào tạo ngành GDMN. Môn học này được xây dựng dựa trên 02 môn học là *Vệ sinh trẻ em* và *Dinh dưỡng trẻ em* trong chương trình đào tạo theo niên chế trước đây. Với thời lượng 4 tín chỉ, số tiết lý thuyết là 40 tiết, thực hành là 20 x 2 tiết. Học phần cung cấp một số kiến thức cơ bản, những kỹ năng cần thiết để SV sau khi ra trường áp dụng vào việc tổ chức hoạt động vệ sinh, dinh dưỡng cho trẻ ở trường mầm non. Ngoài ra, học phần còn cung cấp một số kiến thức và kỹ năng về giáo dục vệ sinh, dinh dưỡng cho trẻ mầm non để đáp ứng việc đổi mới Chương trình chăm sóc, GDMN hiện hành (Trường Đại học Tây Bắc, 2018).

Học phần VS&DDTE chiếm một vị trí quan trọng trong chương trình đào tạo giáo viên mầm non. Học phần không chỉ cung cấp kiến thức mà còn góp phần hình thành và phát triển các kỹ năng chăm sóc - giáo dục trẻ cho SV mầm non (Lê Thị Mai Hoa và Trần Văn Dân, 2014). Nội dung kiến thức của học phần bao trùm khá rộng, gồm các

vấn đề cơ bản của vệ sinh trẻ em và dinh dưỡng trẻ em. Phần *Vệ sinh trẻ em* nghiên cứu ảnh hưởng của môi trường đến sự phát triển và trạng thái sức khỏe của trẻ em, xây dựng hệ thống các biện pháp nhằm củng cố sức khỏe của trẻ, góp phần phát triển cơ thể trẻ một cách toàn diện và tổ chức giáo dục hợp lý. Phần *Dinh dưỡng trẻ em* nghiên cứu về vai trò của các chất dinh dưỡng cần thiết đối với cơ thể, xác định nhu cầu của cơ thể về các chất dinh dưỡng, sự phân bố của các chất dinh dưỡng trong các nhóm thức ăn, xây dựng chế độ dinh dưỡng cho các độ tuổi trẻ mầm non, phòng tránh các bệnh do dinh dưỡng không hợp lý. Trên cơ sở phần kiến thức khoa học, SV sẽ hình thành và phát triển các kỹ năng chăm sóc và giáo dục trẻ của giáo viên mầm non tương lai: kỹ năng vệ sinh (cơ thể, môi trường), kỹ năng phát hiện và chăm sóc trẻ ốm, kỹ năng tổ chức các hoạt động đảm bảo vệ sinh (ăn, ngủ, học tập, vui chơi), kỹ năng xây dựng khẩu phần, thực đơn, kỹ năng chế biến, đảm bảo an toàn thực phẩm, kỹ năng giáo dục (thói quen vệ sinh, dinh dưỡng, kỹ năng tuyên truyền giáo dục...). Thông qua việc cung cấp kiến thức cơ bản và kỹ năng cần thiết, môn học góp phần hình thành, bồi đắp phẩm chất đạo đức và tác phong nghề nghiệp của người giáo viên mầm non, đó là lòng yêu nghề, mến trẻ, tinh thần trách nhiệm cao và tận tụy với nghề.

2.2. Những thuận lợi và khó khăn trong giảng dạy và học tập học phần *Vệ sinh và Dinh dưỡng trẻ em* của ngành Giáo dục mầm non, Trường Đại học Tây Bắc

2.2.1. Thuận lợi

Về phía giảng viên: Học phần có 02 GV trực tiếp tham gia giảng dạy có trình độ thạc sĩ, đảm bảo cho sự lựa chọn của SV theo yêu cầu đào tạo theo tín chỉ. GV đều có kinh nghiệm, có trình độ chuyên môn vững vàng, giàu nhiệt huyết, luôn cống hiến hết mình. Các GV luôn cố gắng tìm tòi, cập nhật kiến thức để xây dựng, điều chỉnh nội dung dạy học phù hợp với mục tiêu đào tạo giáo viên mầm non. Trong quá trình giảng dạy, các GV chủ động sử dụng các phương pháp dạy học tăng cường các hoạt động cho SV, phát huy tính tích cực, tự giác của người học như: thảo luận nhóm, dạy học dự án, viết báo cáo, tiểu luận... Đồng thời, các GV tích cực ứng dụng công nghệ thông tin để thiết kế bài giảng hấp dẫn, hiệu quả, thuận lợi cho hoạt động học tập của SV. Hình thức tổ chức dạy học cũng được GV kết hợp linh hoạt: ngoài dạy học trên lớp còn tổ chức dạy học ở phòng thực hành, tại các nhóm trẻ, trường mầm non... tạo điều kiện cho SV nghiên cứu lý thuyết, thực hành và áp dụng thực tiễn nghề nghiệp. Việc kiểm tra, đánh giá cũng được thực hiện đáp ứng theo yêu cầu đổi mới chung của Nhà trường gồm đánh giá quá trình và đánh giá kết thúc học phần. Việc hướng dẫn tự học cho SV cũng được GV chú trọng, không chỉ tư vấn, hướng dẫn SV trong giờ mà còn thực hiện cả ngoài giờ lên lớp thông qua nhiều hình thức như trực tiếp, online hoặc qua lớp học trực tuyến...

Về cơ sở vật chất phục vụ việc học tập học phần: Trang thiết bị cơ sở hạ tầng phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập cho GV và SV Khoa Tiểu học - Mầm non nói chung và học tập bộ môn VS&DDTE nói riêng được Nhà trường từng bước đầu tư, nâng cấp đảm bảo đủ năng lực, đáp ứng công tác đào tạo. Thư viện của Nhà trường có đầy đủ phòng đọc, phòng máy tính đáp ứng được yêu cầu học tập của SV. Giáo trình học tập của học phần gồm *Giáo trình Vệ sinh trẻ em* (Hoàng Thị Phương) và *Giáo trình Dinh dưỡng trẻ em* (Lê Thị Mai Hoa) có số lượng đáp ứng theo yêu cầu mượn của SV. Một số tài liệu tham khảo khác được thư viện bổ sung hàng năm. Phòng học theo lớp học phần đảm bảo có diện tích rộng, đủ bàn ghế, một số phòng học có gắn sẵn máy chiếu. Với những phòng chưa có máy chiếu, Khoa đã trang bị thêm cho mỗi Tổ chuyên môn 01 máy để GV sử dụng linh hoạt. Riêng với môn học này, Khoa đã bố trí một phòng thực hành riêng, có nhiều trang thiết bị phục vụ cho SV luyện tập, hình thành các kỹ năng.

Về phía SV: Vì học phần VS&DDTE là môn học chuyên ngành, được lựa chọn đăng kí học vào năm thứ 2 nên đa phần SV đã có kinh nghiệm, hình thành được phương pháp học tập tích cực. Vì vậy, nhiều SV đã chủ động lập kế hoạch học tập phù hợp với khả năng, điều kiện của bản thân. Dựa trên đề cương môn học và tài liệu giao nhiệm vụ học tập mà GV cung cấp, SV đã tìm kiếm, nghiên cứu, phân tích tài liệu trước giờ học nên rất tích cực tham gia các hoạt động nhóm, thảo luận với bạn bè và trao đổi với các GV trong giờ học. Bên cạnh đó, việc đánh giá quá trình cũng khiến SV nỗ lực trong suốt thời gian học để hoàn thành các nhiệm vụ, bài tập, bài kiểm tra... mà GV yêu cầu. Chính những điều đó đã góp phần tạo nên kết quả học tập khá cao của SV. Năm học 2018-2019 vừa qua, điểm trung bình chung môn học VS&DDTE có số SV đạt điểm khá, giỏi (điểm A và điểm B) chiếm gần 65%, số SV có điểm kém (điểm F) phải học lại chỉ chiếm 6,6% (8/121 SV). Đây là những tín hiệu đáng mừng để GV và SV tiếp tục phát huy trong thời gian tới.

2.2.2. Khó khăn

Bên cạnh những thuận lợi, việc giảng dạy và học tập học phần VS&DDTE cho SV ngành GDMN cũng gặp một số khó khăn:

Thứ nhất, sĩ số trong một lớp học phần khá đông (50-80 SV) nên việc áp dụng các phương pháp dạy học tích cực phần nào bị hạn chế, đặc biệt là khi tổ chức hoạt động thực hành, thảo luận nhóm. Số lượng SV lớn nên GV không thể quan tâm sâu sát và theo dõi sự tiến bộ của từng SV qua việc đánh giá quá trình.

Thứ hai, với đặc điểm đặc thù của Khoa Tiểu học - Mầm non nói chung và ngành GDMN nói riêng là SV dân tộc thiểu số chiếm đa số (80-90%). SV dân tộc thiểu số chủ yếu ở vùng sâu, vùng xa nên khả năng giao tiếp, khả năng hội nhập, tự học, tự nghiên cứu còn nhiều hạn chế. Phần lớn, SV dân tộc thiểu số thiếu các phương tiện hỗ trợ học tập như máy tính, laptop,... nên việc tìm tòi, mở rộng kiến thức còn gặp nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, một số SV còn tự ti về bản thân, ngại chia sẻ, trao đổi với bạn bè, thầy cô nên chất lượng học tập chậm cải thiện.

Thứ ba, VS&DDTE là môn học có nhiều nội dung thực hành nhằm hình thành các kỹ năng chăm sóc - giáo dục trẻ mầm non nhưng đến năm thứ 2 đào tạo, SV vẫn chưa được đi thực tế phổ thông. Việc thực hành chỉ được SV thực hiện trong những giờ học thực hành nên các kỹ năng khó được thuần thục và thiếu hụt các kỹ năng mềm hình thành trong thực tiễn trường mầm non.

2.3. Một số biện pháp nâng cao chất lượng giảng dạy học phần Vệ sinh và Dinh dưỡng trẻ em cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non, Trường Đại học Tây Bắc

2.3.1. Tăng cường bồi dưỡng đạo đức nghề nghiệp giáo viên mầm non cho sinh viên

Giáo viên mầm non phải có tính kiên nhẫn trước những hành động non trẻ; tỉ mỉ, tận tình, định hướng suy nghĩ và hành động đúng đắn cho trẻ (Nguyễn Thị Sen, 2019). Nếu lòng yêu nghề, yêu trẻ không đủ lớn cùng với sự thiếu kiên nhẫn trước áp lực nghề nghiệp đặc thù, giáo viên mầm non rất dễ vi phạm đạo đức nghề giáo, vi phạm lí tưởng mục tiêu “tất cả vì học sinh thân yêu” của mình và không gắn bó lâu dài với nghề. Vì vậy, đạo đức nghề nghiệp cần được hình thành và bồi dưỡng ngay trong quá trình đào tạo.

Khi đăng kí nguyện vọng học ngành GDMN, nhiều SV chưa có định hướng nghề nghiệp rõ ràng, chưa hiểu rõ các yêu cầu, nhiệm vụ của nghề nghiệp tương lai. Trong quá trình học tập, rèn luyện trên giảng đường đại học, chưa xác định được năng lực và phẩm chất cần bồi dưỡng và phát triển. Những điều đó đã làm ảnh hưởng đến chất lượng học tập của SV, đặc biệt là đối với môn học cần hình thành các kỹ năng chăm sóc trẻ như môn VS&DDTE.

Việc bồi dưỡng đạo đức nghề nghiệp của giáo viên mầm non theo Thông tư liên tịch số 20/2015/TTLT-BGDĐT-BNV và Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non (Bộ GD-ĐT, 2008) cần được thực hiện ngay từ khi SV mới nhập học và thực hiện định kì trong suốt quá trình học tập. Nhà trường và Khoa cần tổ chức các chuyên đề, các hoạt động ngoại khóa, cuộc thi tìm hiểu về nghề nghiệp cho SV ngành GDMN. Trong mỗi môn học, GV cần lồng ghép, tích hợp đạo đức nghề nghiệp để giảng dạy, hun đúc tình yêu nghề qua từng tiết học. Tổ chức Đoàn Thanh niên, Hội SV có thể thành lập những câu lạc bộ Nghề Mầm non để SV được gặp gỡ, trao đổi, giúp đỡ lẫn nhau hình thành và rèn luyện các năng lực nghề nghiệp...

2.3.2. Nâng cao chất lượng tự học cho sinh viên

Trong quá trình giảng dạy, GV cần chú trọng rèn luyện cho SV phương pháp, kỹ năng tự học, biết linh hoạt vận dụng những điều đã học vào thực tiễn, góp phần hình thành và bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non cho SV (Nguyễn Đức Giang và Phạm Thị Hồng Nhung, 2019).

Học phần VS&DDTE có khối lượng kiến thức khoa học lớn, có tính ứng dụng cao, các kỹ năng chăm sóc, giáo dục trẻ mà SV cần rèn luyện nhiều, nếu SV chỉ trông chờ vào sự cung cấp kiến thức của GV thì sẽ không bảo đảm mục tiêu đào tạo. Vì vậy, SV phải tích cực, chủ động tự học và GV cần có sự hướng dẫn phù hợp để tạo nên sự hứng thú và hiệu quả trong quá trình học tập.

Phần lí thuyết của môn học bao trùm khá rộng ở các lĩnh vực khác nhau nên cần dựa vào các phương tiện như giáo trình, tài liệu tham khảo, sách báo chuyên ngành, cơ sở dữ liệu Internet,... đòi hỏi SV phải đọc để hiểu. Tuy nhiên, cho đến nay, tài liệu tham khảo về vệ sinh, dinh dưỡng, phòng bệnh cho chuyên ngành Mầm non còn ít ỏi, các tài liệu tìm được chủ yếu là dành cho các đối tượng chuyên ngành Y học, Y tế công cộng, Dinh dưỡng. Vì vậy, phần lớn SV ngành GDMN, Trường Đại học Tây Bắc còn lúng túng trong việc lựa chọn và nắm bắt các nội dung quan trọng trong tài liệu, làm giảm hiệu quả của quá trình tự học. Để khắc phục điều này, khi SV tự học, GV phải có sự định hướng, hỗ trợ:

- Cần nêu yêu cầu cụ thể để SV tự học trước mỗi buổi học thông qua tài liệu giao nhiệm vụ học tập, các bài tập, câu hỏi... để hướng dẫn SV tự tìm kiếm nguồn tài liệu, xử lí và lĩnh hội thông tin phù hợp. SV có thể thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hoặc theo nhóm.

- Để tăng chất lượng đọc tài liệu, GV có thể yêu cầu SV nhận xét, tóm tắt, đưa ra những quan điểm chủ chốt hoặc trình bày thông tin dưới một dạng sáng tạo khác theo cách hiểu của cá nhân. GV cũng có thể yêu cầu SV khi tìm hiểu

tài liệu phải đặt ra hệ thống các câu hỏi phù hợp rồi lựa chọn thông tin cơ bản để trả lời. Bên cạnh đó, GV cũng nên đưa ra những tình huống đòi hỏi SV vận dụng kiến thức tìm hiểu những ứng dụng kiến thức khoa học vào thực tiễn cuộc sống.

- Trên kết quả của quá trình tự học, SV cần được trình bày, đưa ra ý kiến của mình trước tập thể, SV khác nhận xét, bổ sung, trao đổi, có khi xuất hiện cả tranh luận để đi đến kết luận. Nếu tổ chức dạy học theo nhóm, GV có thể yêu cầu các nhóm đọc một số tài liệu khác nhau rồi trình bày trước tập thể để trao đổi về một nội dung khoa học. Để giúp SV hứng thú hơn với việc tự nghiên cứu tài liệu, GV cần tăng cường cho SV được trình bày trước tập thể, khuyến khích SV đặt câu hỏi về các khía cạnh khác nhau của vấn đề nghiên cứu và tạo điều kiện để chính các SV trả lời các câu hỏi, trong quá trình đó, GV ở bên cạnh hỗ trợ, gợi mở để giúp GV tự trả lời.

2.3.3. *Đổi mới mục tiêu học phần theo hướng phát triển năng lực người học*

Với học phần VS&DDTE, năng lực cần được hình thành và phát triển ở người học bao gồm cả năng lực chung và năng lực nghề nghiệp. Khi xác định rõ ràng và lượng hóa được mục tiêu sẽ giúp người dạy định hướng tốt hơn cho hoạt động giảng dạy nhằm giúp SV phát triển. Mục tiêu học phần VS&DDTE cần được xây dựng nhằm phát triển năng lực chung và năng lực nghề nghiệp của SV ngành GDMN.

Năng lực chung cần đạt được gồm năng lực tự học (có khả năng tự đánh giá, định hướng phát triển bản thân; có khả năng tổ chức và đánh giá kết quả hoạt động tự học, chủ động, linh hoạt thích ứng với sự thay đổi trong lí thuyết và thực tiễn chăm sóc - giáo dục), năng lực giao tiếp và hợp tác (sử dụng tiếng Việt chuẩn mực, đơn giản, dễ hiểu; giao tiếp hiệu quả bằng phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ; ứng xử một cách thân thiện, phù hợp với trẻ em, bạn bè, thầy cô...), năng lực tư duy phản biện, sáng tạo và giải quyết vấn đề (khả năng phân tích, đánh giá thông tin và ý tưởng, phát hiện và giải quyết vấn đề một cách hiệu quả, sáng tạo), năng lực ngoại ngữ và công nghệ thông tin (có khả năng sử dụng ngoại ngữ để tìm kiếm thông tin, ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin vào phục vụ quá trình tự học, trao đổi thông tin, báo cáo kết quả học tập...).

Năng lực nghề nghiệp cần đạt qua học phần VS&DDTE gồm năng lực nền tảng, năng lực chăm sóc trẻ, năng lực giáo dục trẻ và năng lực nâng cao. Năng lực nền tảng: SV nắm vững và vận dụng linh hoạt kiến thức về vệ sinh học, dinh dưỡng học, giáo dục học vào quá trình chăm sóc - giáo dục cho trẻ ở trường mầm non; SV nắm vững đặc điểm tâm, sinh lí của trẻ mầm non để thực hiện các biện pháp chăm sóc - giáo dục phù hợp với từng độ tuổi; đánh giá tình trạng dinh dưỡng, sự phát triển thể chất, chất lượng bữa ăn của trẻ tại trường mầm non để đề xuất các biện pháp và điều chỉnh chế độ chăm sóc - giáo dục đảm bảo cho sự phát triển của trẻ. Năng lực chăm sóc trẻ là khả năng đảm bảo vệ sinh môi trường, vệ sinh cá nhân cho trẻ tại trường mầm non; tổ chức các hoạt động vệ sinh và chăm sóc trẻ hàng ngày; tổ chức vệ sinh đồ dùng, đồ chơi và các trang thiết bị khác trong trường mầm non, thực hiện chế độ dinh dưỡng phù hợp với từng độ tuổi trẻ mầm non, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; phòng tránh bệnh truyền nhiễm và tai nạn cho trẻ em. Năng lực giáo dục trẻ là khả năng thiết lập môi trường giáo dục (môi trường vật chất và môi trường xã hội) phù hợp với từng hoạt động của trẻ; là sử dụng linh hoạt các phương pháp và hình thức dạy học để lồng ghép, tích hợp giáo dục thói quen cho trẻ vào các hoạt động khác nhau; là khả năng quản lí nhóm trẻ hiệu quả. Năng lực nâng cao của học phần cần hướng đến phát triển ở SV khả năng thực hiện các nghiên cứu khoa học về lĩnh vực vệ sinh và dinh dưỡng ở trẻ mầm non, phát triển khả năng hướng dẫn, tư vấn cho phụ huynh và cộng đồng những vấn đề về chăm sóc, nuôi dưỡng, phòng bệnh cho trẻ và có thể thực hiện công tác quản lí GDMN.

Với mục tiêu học phần được xây dựng theo hướng phát triển năng lực người học như trên sẽ giúp GV và SV đổi mới hoạt động dạy và học nhằm phát huy tính chủ động, tích cực, sáng tạo vận dụng tri thức vào thực tiễn chăm sóc - giáo dục trẻ của SV ngành GDMN.

2.3.4. *Tăng cường đổi mới giờ học thực hành*

Phần thực hành trong học phần VS&DDTE chiếm 1/3 thời lượng chương trình (20/60 tiết). Thực tế, khi thực hiện, số giờ dạy thực hành là 40 tiết (vì mỗi giờ thực hành được tính bằng 1/2 số giờ dạy lí thuyết). Hoạt động thực hành nhằm hình thành các kĩ năng vệ sinh (cơ thể, môi trường...), kĩ năng giáo dục (tư vấn, tuyên truyền về dinh dưỡng, thói quen vệ sinh...), kĩ năng đánh giá chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ (đánh giá tình trạng dinh dưỡng, tình trạng sức khỏe, khẩu phần ăn...), kĩ năng tổ chức các hoạt động (ăn, ngủ, hoạt động ngoài trời...). Dựa trên các kĩ năng được hình thành sẽ góp phần phát triển các năng lực nghề nghiệp cần thiết, từ đó, dần hình thành và phát triển phẩm chất đạo đức người giáo viên mầm non cho SV. Chính vì thế, phần thực hành VS&DDTE cũng cần được đổi mới theo hướng phát huy hơn nữa năng lực của người học.

Thứ nhất, cần đa dạng hóa hình thức tổ chức thực hành của học phần. Từ trước đến nay, phần thực hành VS&DDTE được diễn ra chủ yếu ở lớp học và phòng thực hành, SV thực hiện các hoạt động hình thành kĩ năng

dưới sự hướng dẫn của GV. Số tiết thực hành của học phần chỉ trong một phạm vi nhất định theo thời lượng quy định của chương trình mà việc hình thành các kỹ năng cần phải được luyện tập thường xuyên, liên tục, nhất là các kỹ năng chăm sóc trẻ nên nếu chỉ dựa vào số giờ học thực hành trên lớp thì không bảo đảm cho việc hình thành năng lực nghề nghiệp. Vì không có đối tượng thực tế là trẻ em nên SV vẫn thường đóng vai trẻ để tập luyện, các phương tiện hỗ trợ trong phòng thực hành còn chưa đa dạng,... đã làm những tiết học thực hành tại trường thiếu đi tính hấp dẫn, các kỹ năng vẫn chỉ là cơ sở lý thuyết. Vì vậy, cần thêm hình thức thực hành tại trường mầm non để rèn luyện kỹ năng của SV. Muốn vậy, Nhà trường cần xây dựng hoặc thiết lập một trường mầm non thực hành để SV được thường xuyên rèn luyện, trau dồi kỹ năng và kinh nghiệm. Khi chăm sóc - giáo dục trẻ thường xuyên, SV được rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp của mình, các động tác dần trở nên nhuần nhuyễn và thành thục. Qua các hoạt động thực tiễn tại trường thực hành, SV sẽ quan sát được nhiều tình huống bất ngờ nảy sinh, được thấy cách ứng xử, giải quyết của các cô giáo mầm non mà GV không thể đưa hết vào giảng dạy trong tiết học. Và đặc biệt nhất, SV được tiếp xúc trực tiếp với trẻ nhỏ với muôn vàn các biểu hiện khác nhau, để từ đó rút ra những quy luật, đặc điểm sinh lý, tâm lý của trẻ nhỏ trên cơ sở lý thuyết đã được giới thiệu. Điều này còn góp phần bồi dưỡng tình cảm, lòng yêu nghề, mến trẻ cho các cô giáo mầm non tương lai.

Thứ hai, cần đổi mới kiểm tra, đánh giá phần thực hành VS&DDTE nhằm phát huy năng lực của SV. Hiện nay, để đánh giá phần thực hành VS&DDTE, GV mới chỉ sử dụng cách đánh giá kết quả thực hành và điểm số chỉ chiếm 10-20% điểm quá trình. Kiểm tra kết thúc học phần không có phần đánh giá thực hành. Điều này là chưa phù hợp với mục tiêu phát triển năng lực mà môn học đang hướng tới. Vì thế, cần có sự điều chỉnh trọng số điểm thực hành trong tổng số điểm của học phần (điểm thực hành có thể chiếm 30% điểm số của học phần). Bên cạnh đó, cũng cần đa dạng hóa cách thức kiểm tra, đánh giá quá trình thực hành. Với một số nội dung thực hành đòi hỏi phải luyện tập lặp đi lặp lại, thường xuyên trong thời gian dài như vệ sinh da, vệ sinh răng miệng, chế biến thức ăn... GV có thể cho SV tự thực hành rồi quay video tiến trình thực hiện. Nhiệm vụ của giáo viên mầm non là vừa làm vừa hướng dẫn trẻ, nên trong quá trình luyện tập các kỹ năng, GV cần yêu cầu SV rèn luyện cả khả năng ngôn ngữ bằng cách vừa làm vừa hướng dẫn trẻ thực hiện. Với đoạn video kết quả thực hành gồm cả hình ảnh và âm thanh, SV có thể tự đánh giá được sự tiến bộ và làm cơ sở để hoàn thiện dần bản thân. Đồng thời, GV có thể sử dụng các video của SV để minh họa trên lớp, yêu cầu SV đánh giá mức độ chính xác, thành thạo khi luyện tập, thực hành và rút ra các bài học kinh nghiệm.

3. Kết luận

Nâng cao chất lượng giảng dạy học phần VS&DDTE là nhiệm vụ quan trọng trong quá trình đào tạo SV ngành GDMN, Trường Đại học Tây Bắc. Để hoàn thành nhiệm vụ đó, GV cần tích cực đổi mới nội dung, phương pháp dạy học và cách thức hướng dẫn SV học tập. Tuy nhiên, để đào tạo được đội ngũ giáo viên mầm non đáp ứng sự phát triển ngày càng cao của xã hội, cần sự phối hợp, thay đổi của cả Nhà trường, GV giảng dạy các học phần khác và SV. Hi vọng rằng, với một số biện pháp đề xuất trên sẽ góp phần nâng cao chất lượng đào tạo học phần VS&DDTE cho SV ngành GDMN, Trường Đại học Tây Bắc.

Tài liệu tham khảo

- Ban Chấp hành Trung ương (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*.
- Bộ GD-ĐT, Bộ Nội vụ (2015). *Thông tư liên tịch số 20/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 14/9/2015 Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non*.
- Bộ GD-ĐT (2008). *Quyết định số 02/2008/QĐ-BGDĐT ngày 22/01/2008 ban hành Quy định về chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non*.
- Lê Thị Mai Hoa, Trần Văn Dân (2014). *Giáo trình Vệ sinh Dinh dưỡng*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- Nguyễn Đức Giang, Phạm Thị Hồng Nhung (2019). *Hệ thống tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá năng lực tự học và quy trình tổ chức phát triển năng lực tự học cho sinh viên trong các trường đại học sư phạm*. Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt tháng 7, tr 185-190; 194.
- Nguyễn Thị Sen (2019). *Giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành giáo dục mầm non Trường Cao đẳng Sư phạm Điện Biên*. Tạp chí Giáo dục, số 464, tr 39-43.
- Trường Đại học Tây Bắc (2018). *Chương trình đào tạo ngành Giáo dục mầm non*.